

Chuyên viên phân tích

Lê Thu Huyền

huyen.lt@shs.com.vn

Khuyến nghị: **Tăng tỷ trọng**

Giá hiện tại (13/08/2026): 73.600 VND

Giá mục tiêu (12 tháng): **99.000**

% tăng/giảm giá: **+34,5%**

Thông số cơ bản:

Vốn hóa (tỷ VND):	108.616
Số lượng CP lưu hành:	1.475.765.646
KLCP đang niêm yết:	1.477.035.294
KLGD TB 10 phiên (CP):	6.923.238
Giá thấp 52w:	62.300
Giá cao 52W:	92.300
Sở hữu cổ đông lớn:	10,49%
Sở hữu NĐT nước ngoài:	46,59%
Free-float:	82,7%

Diễn biến giá cổ phiếu



Nguồn: SHS Research, FiinProX

	2024	2025	2026F	2027F
DT thuần	134.341	156.458	172.842	190.115
% DTT	13,6%	16,5%	10,5%	10,0%
Biên LNG	20,5%	19,4%	21,2%	21,4%
LNST (tỷ VND)	3.733	7.076	9.307	9.619
EPS (VND/CP)	2.546	4.936	6.357	6.563
BVPS (VND/CP)	27.517	33.047	27.517	33.047

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH 6T/2026

Lũy kế 6 tháng, doanh thu thuần đạt 95.213 tỷ đồng (+29,1% yoy), hoàn thành 51,5% kế hoạch doanh thu cả năm; LNST- CDM đạt 6.017 tỷ đồng (+88,4% yoy), đã hoàn thành 65,4% kế hoạch lợi nhuận cả năm (9.200 tỷ đồng) chỉ sau hai quý đầu năm.

Chúng tôi xác định giá mục tiêu 12 tháng cho MWG ở mức **99.000 đồng/cp**, tương ứng tiềm năng tăng giá +34,5% so với giá đóng cửa hiện tại, và khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG**, dựa trên ba luận điểm:

Kết quả kinh doanh vượt kế hoạch năm với biên lợi nhuận mở rộng bền vững. Kịch bản Cơ sở trong mô hình định giá của chúng tôi dự phòng LNST-CDM 2026F đạt 9.296 tỷ đồng (+32,1% yoy), vượt 1,0% kế hoạch ĐHĐCĐ (9.200 tỷ đồng), với doanh thu thuần tăng 10,5% yoy - phản ánh động lực tăng trưởng đến từ cải thiện biên lợi nhuận và đòn bẩy hoạt động, không chỉ từ mở rộng quy mô.

Bách Hóa Xanh và ĐMX hậu IPO là hai động lực tái định giá trung hạn. BHX đã chuyển từ gánh nặng "đốt vốn" sang đóng góp lợi nhuận dương ở cấp cửa hàng ngay khi mở mới; ĐMX sau IPO có bảng cân đối lành mạnh hơn, tạo dư địa để MWG giảm đòn bẩy tài chính hợp nhất và nâng tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt theo định hướng ban lãnh đạo đã chia sẻ.

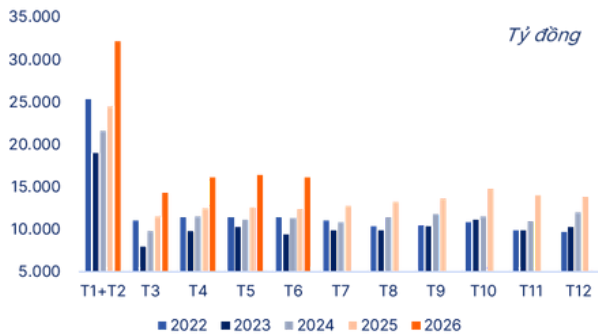
Định giá bình quân gia quyền phản ánh thận trọng kỹ thuật ngắn hạn. Cổ phiếu đang giao dịch dưới đường MA200 sau khi điều chỉnh 20,2% từ đỉnh 52 tuần. Do đó, chúng tôi gán xác suất cao hơn cho kịch bản Bear (45%) so với Cơ sở (40%) và Bull (15%) khi tính giá mục tiêu bình quân gia quyền, đưa mức giá mục tiêu về 99.000 đồng/cp - thận trọng hơn đáng kể so với giá mục tiêu 107.196 đồng/cp nếu chỉ dùng riêng kịch bản Cơ sở.

Rủi ro

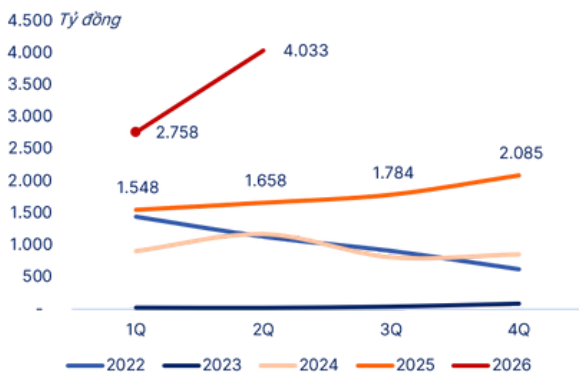
- Cạnh tranh giá trong ngành bán lẻ ICT và tạp hóa hiện đại có thể gia tăng trở lại, bào mòn biên lợi nhuận gộp vừa mới phục hồi.
- Tốc độ mở mới và hiệu quả vận hành của Bách Hóa Xanh có thể chậm lại khi mạng lưới mở rộng vào các khu vực có mật độ dân số thấp hơn.
- Rủi ro vĩ mô: sức mua tiêu dùng phục hồi chậm hơn kỳ vọng, ảnh hưởng nhóm hàng giá trị cao (điện thoại, điện máy, trả góp).

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu MWG (tháng)



Lợi nhuận sau thuế MWG (quý)



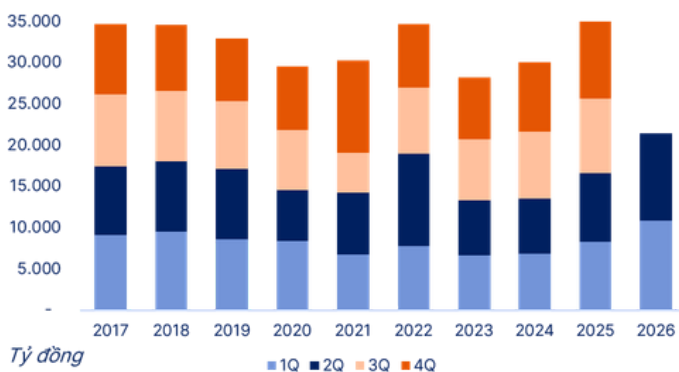
Diễn biến các mảng hoạt động

Điện thoại - Điện máy (TGDD ĐMX) tăng trưởng nhờ sản lượng bán hàng hiện hữu, không phải mở mới. Doanh thu H1/2026 đạt 65.100 tỷ đồng (+31% yoy), với tăng trưởng doanh thu trên cùng cửa hàng (SSSG) đạt 32% trong khi tổng số điểm bán tiếp tục thu hẹp về khoảng 3.000 cửa hàng - phản ánh chiến lược tối ưu mạng lưới đã hoàn tất phần lớn và hiệu quả khai thác trên mỗi điểm bán cải thiện rõ rệt.

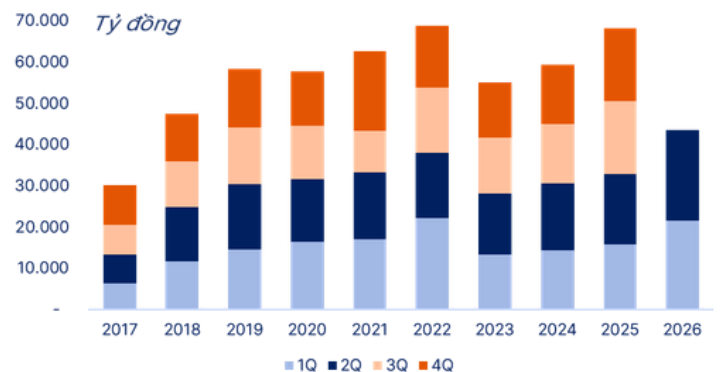
Bách Hóa Xanh chuyển hẳn sang giai đoạn mở rộng có lãi. Doanh thu H1/2026 đạt 28.300 tỷ đồng (+25% yoy) với 632 cửa hàng mở mới trong kỳ đạt lợi nhuận hoạt động dương ngay trong 6 tháng đầu vận hành - khác biệt lớn so với chu kỳ mở rộng 2021-2022. Tổng số điểm bán đạt 3.191 cửa hàng, tăng 24,7% so với đầu năm.

Điện Máy Xanh (ĐMX) chính thức đại chúng hóa, mở khóa giá trị và giảm áp lực đòn bẩy. Ngày 03/07/2026, ĐMX hoàn tất IPO, phát hành 179,5 triệu cổ phiếu mới ở mức 80.000 đồng/cp, huy động khoảng 14.360 tỷ đồng; MWG giữ lại tỷ lệ sở hữu khoảng 85,1%. Đây là sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo quý 2/2026 nhưng đã được phản ánh một phần trong biến động dòng tiền cuối quý.

Doanh thu TGDD - mảng ICT (quý)



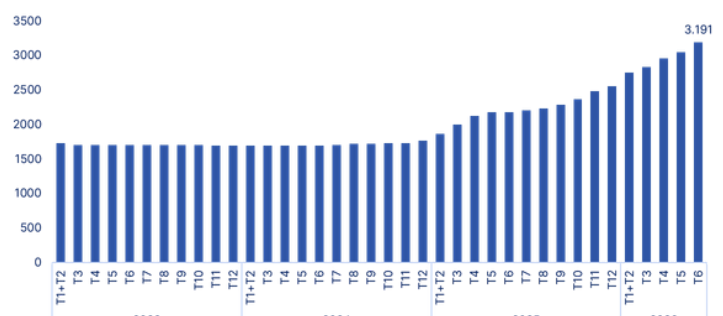
Doanh thu Điện máy Xanh - mảng CE (quý)



Doanh thu Bách Hóa Xanh (tháng)



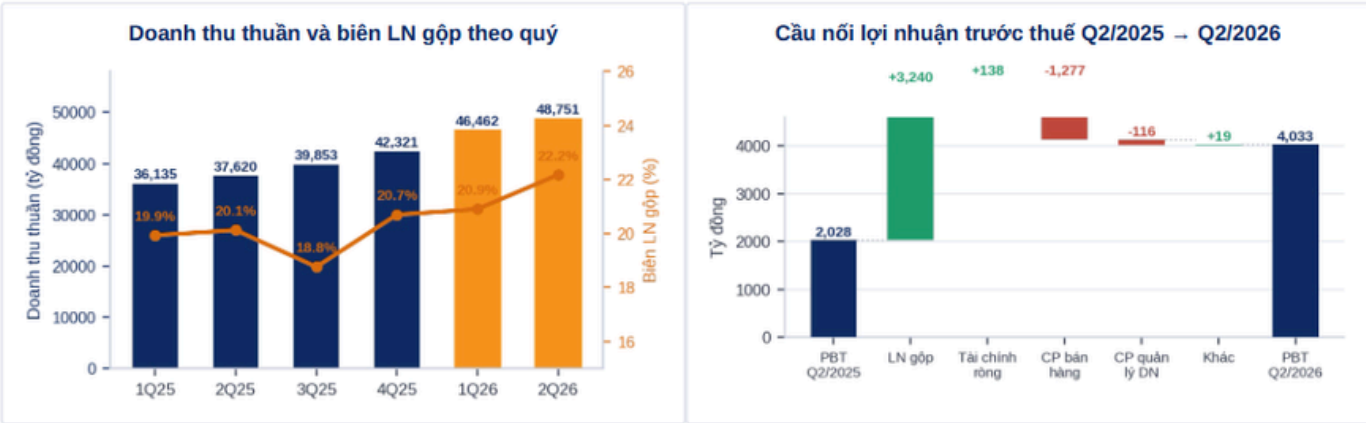
Số cửa hàng Bách Hóa Xanh



TỔNG QUAN
KẾT QUẢ KINH DOANH

Bảng tổng hợp KQKD

Tỷ đồng	Q2/2026	Q2/2025	%yoy	6T/2026	6T/2025	%yoy
Doanh thu thuần	48.751	37.620	+29,60%	95.213	73.755	+29,10%
Giá vốn hàng bán	-37.942	-30.051	+26,30%	-74.694	-58.986	+26,60%
Lợi nhuận gộp	10.809	7.569	+42,80%	20.519	14.769	+39,00%
Biên lợi nhuận gộp	22,17%	20,12%	+205đ	21,55%	20,02%	+153đ
Doanh thu tài chính	957	769	+24,50%	1.815	1.462	+24,10%
Chi phí tài chính	-453	-402	+12,70%	-875	-741	+18,10%
Chi phí bán hàng	-5.980	-4.703	+27,20%	-11.265	-9.096	+23,70%
Chi phí quản lý DN	-1.317	-1.202	+9,60%	-2.841	-2.416	+17,60%
Lợi nhuận trước thuế	4.033	2.028	+98,80%	7.361	3.963	+85,80%
Lợi nhuận sau thuế (CĐM)	3.303	1.648	+100,40%	6.017	3.194	+88,4%



Nguồn: FinProX, mô hình QuarterlyFS - SHS Research. Cầu nối LNTT xác nhận khớp đúng biến động thực tế (chênh lệch làm tròn <0,1%).

Động lực vĩ mô hỗ trợ

Tín dụng tiêu dùng trả góp tiếp tục mở rộng thị trường có thể tiếp cận

Doanh thu bán hàng trả góp của MWG tăng 49% yoy trong H1/2026, nâng tỷ trọng lên 38% tổng doanh thu - mức cao nhất từ trước đến nay. Xu hướng này phản ánh (i) mặt bằng lãi suất cho vay tiêu dùng duy trì ở vùng thấp, hỗ trợ các công ty tài chính tiêu dùng mở rộng room giải ngân, và (ii) MWG chủ động đẩy mạnh hợp tác với các đối tác tài chính để mở rộng tệp khách hàng có thu nhập trung bình - nhóm khách hàng trước đây khó tiếp cận sản phẩm điện thoại, điện máy giá trị cao. Chúng tôi cho rằng đây là động lực cấu trúc, không chỉ là yếu tố chu kỳ ngắn hạn, và tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng doanh thu bình quân khách hàng của ĐMX trong các quý tới.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chất lượng lợi nhuận

Chúng tôi đánh giá tích cực về chất lượng tăng trưởng lợi nhuận Q2/2026 của MWG: tăng trưởng đến từ hoạt động kinh doanh cốt lõi (biên lợi nhuận gộp và đòn bẩy chi phí hoạt động), không phụ thuộc vào thu nhập tài chính hay các khoản mục bất thường.

- **Tỷ trọng thu nhập tài chính trên LNTT giảm nhẹ** từ 37,9% (Q2/2025: doanh thu tài chính 769 tỷ/LNTT 2.028 tỷ) xuống 23,7% (Q2/2026: 957 tỷ/4.033 tỷ) - cho thấy tăng trưởng lợi nhuận không bị "pha loãng chất lượng" bởi thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh chính, khác biệt tích cực so với một số giai đoạn tái cấu trúc trước đây khi lãi tiền gửi đóng góp tỷ trọng lớn hơn vào LNTT.
- **Chi phí bán hàng/doanh thu giảm nhẹ** từ 12,5% (Q2/2025) xuống 12,3% (Q2/2026); chi phí quản lý DN/doanh thu giảm mạnh từ 3,2% xuống 2,7% - phản ánh đòn bẩy hoạt động khi quy mô mạng lưới đã ổn định và bộ máy quản lý không cần mở rộng tương ứng với tốc độ tăng doanh thu.
- **Vòng quay hàng tồn kho cải thiện:** hàng tồn kho tăng 13,2% so với đầu năm - thấp hơn nhiều so với tốc độ tăng doanh thu thuần lũy kế 6 tháng (+29,1% yoy), hàm ý vòng quay hàng tồn kho nhanh hơn và giảm rủi ro trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho so với giai đoạn 2022-2023

Bảng cân đối kế toán

Tỷ đồng	Q2/2026 (30/06)	Đầu năm (31/12/2025)	% thay đổi
Tổng tài sản	104.915	83.946	+25,0%
Trong đó: Tiền và tương đương tiền	17.994	5.000	+259,9%
Hàng tồn kho	30.875	27.267	+13,2%
Tài sản cố định	2.482	2.598	-4,5%
Nợ phải trả	68.564	50.770	+35,1%
Vốn chủ sở hữu	36.351	33.176	+9,6%
Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (x)	1,89	1,53	-

Nguồn: FiinProX (BCTC hợp nhất quý 2/2026 MWG, đã kiểm toán số đầu năm), tính toán SHS Research.

Tiền mặt tăng vọt - dư địa giảm đòn bẩy và nâng cổ tức

Tiền và tương đương tiền cuối Q2/2026 đạt 17.994 tỷ đồng, gấp 3,6 lần đầu năm. Phần lớn biến động này phản ánh dòng tiền thu về liên quan đến quá trình chuẩn bị niêm yết DMX (hoàn tất chính thức ngày 03/07/2026, huy động ròng khoảng 14.360 tỷ đồng) cộng với dòng tiền hoạt động kinh doanh cải thiện mạnh trong kỳ. Ban lãnh đạo MWG đã chia sẻ định hướng sử dụng một phần nguồn lực này để giảm dư nợ vay và có cơ sở nâng tỷ lệ chi trả cổ tức tiền mặt nếu đà tăng trưởng lợi nhuận 2026 được duy trì - chúng tôi xem đây là yếu tố hỗ trợ định giá theo hướng tái phân bổ vốn cổ đông, dù cần theo dõi thêm số liệu quý 3/2026 để xác nhận xu hướng.

ĐỊNH GIÁ VÀ KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ

11,64x	3,26x	~2,7%
P/E 2026F (kịch bản Cơ sở, giá hiện tại)	P/B 2026F (kịch bản Cơ sở, giá hiện tại)	Tỷ suất cổ tức tiền mặt dự kiến 2026

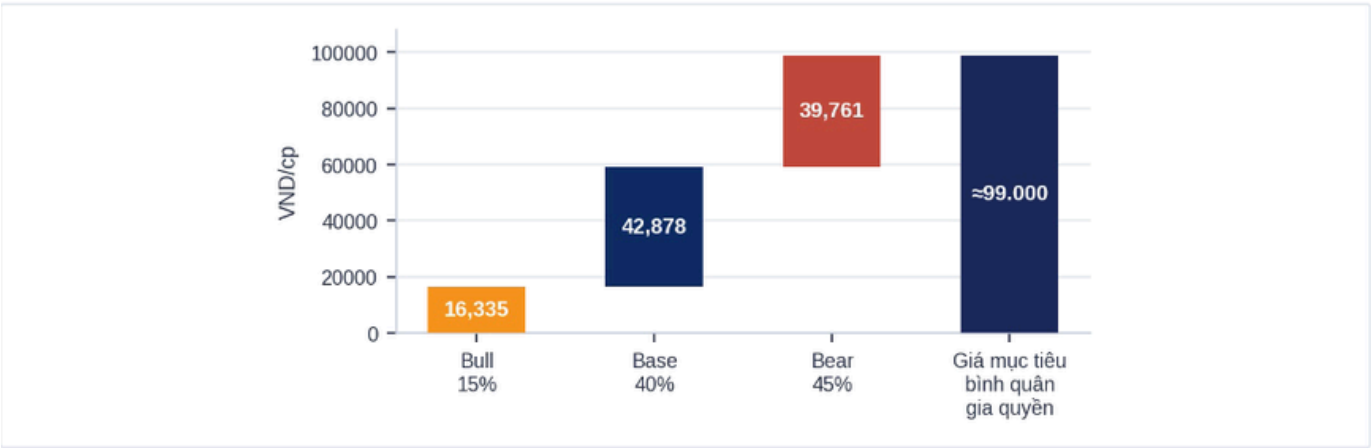
Phương pháp định giá theo từng kịch bản

Chúng tôi kết hợp ba phương pháp định giá - P/E mục tiêu, P/B mục tiêu và chiết khấu dòng tiền tự do (DCF/FCFF) - với trọng số cố định 45%/20%/35% cho mỗi kịch bản Bull/Cơ sở/Bear. Bảng dưới minh họa cách tính cho kịch bản Cơ sở:

Phương pháp	Giả định chính	Giá trị (đ/cp)	Trọng số
P/E mục tiêu	P/E 18,0x × EPS 2026F 6.357đ	114.430	45%
P/B mục tiêu	P/B 3,6x × BVPS 2026F	99.062	20%
DCF (FCFF)	WACC 12,4%; beta 1,42; g=0,5%	102.542	35%
Giá mục tiêu - kịch bản Cơ sở		107.196	100%

Nguồn: Mô hình định giá SHS Research (sheet Valuation). WACC: Rf 4,2%, ERP Việt Nam 9,5%, chi phí nợ vay 9,0% trước thuế.

6.2. Giá mục tiêu bình quân gia quyền theo xác suất kịch bản



Kịch bản	Xác suất	Giá mục tiêu theo kịch bản	Đóng góp bình quân gia quyền
Bull	15%	108.903	16.335
Cơ sở (Base)	40%	107.196	42.878
Bear	45%	88.358	39.761
Giá mục tiêu bình quân gia quyền (làm tròn)	100%	~ 99.000 đồng/cp	

Với giá mục tiêu 99.000 đồng/cp, tương ứng tiềm năng tăng giá +34,5% so với giá đóng cửa 73.600 đồng/cp (13/08/2026), cộng thêm tỷ suất cổ tức tiền mặt dự kiến ~2,7%, tổng mức sinh lời kỳ vọng đạt khoảng +37,2% trong 12 tháng tới - chúng tôi khuyến nghị **TĂNG TỶ TRỌNG** đối với cổ phiếu MWG.

Phụ lục: Báo cáo tài chính và các chỉ số tài chính

Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	2027F
Bảng Cân đối kế toán					
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	5.366	4.897	5.000	12.626	16.015
+ Đầu tư ngắn hạn	18.937	29.324	33.874	39.150	44.013
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	5.159	8.826	10.153	11.216	12.337
+ Hàng tồn kho	21.824	22.245	27.267	26.621	29.254
+ Tài sản ngắn hạn khác	665	544	921	1.303	1.389
Tài sản ngắn hạn	51.950	65.836	77.215	90.917	103.009
+ Các khoản phải thu dài hạn	458	390	404	619	659
+ Tài sản cố định	6.500	3.587	2.598	2.598	5.345
+ Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
+ Tài sản dở dang dài hạn	4	25	91	0	0
+ Đầu tư dài hạn	747	242	3.136	371	371
+ Tài sản dài hạn khác	452	358	515	636	703
Tài sản dài hạn	8.161	4.601	6.744	4.224	7.078
Tổng Tài sản	60.111	70.438	83.959	95.141	110.086
+ Vay ngắn hạn	19.129	27.300	29.931	28.208	27.985
+ Phải trả người bán	7.927	9.180	13.124	17.561	23.768
+ Nợ ngắn hạn khác	3.710	5.836	7.725	8.343	9.156
Nợ ngắn hạn	30.765	42.316	50.780	54.112	60.908
+ Vay dài hạn	5.985	0	0	0	0
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	1	0	0	0	0
Nợ dài hạn	5.986	0	0	0	0
Tổng nợ phải trả	36.752	42.316	50.780	54.112	60.908
+ Vốn cổ phần	14.634	14.622	14.697	14.697	14.697
+ Thặng dư vốn cổ phần	558	558	-153	-153	-153
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.160	12.582	18.072	25.898	34.025
+ Quỹ khác	7	359	563	587	609
Vốn chủ sở hữu	23.360	28.122	33.179	41.029	49.178
Tổng cộng nguồn vốn	60.111	70.438	83.959	95.141	110.086
Tỷ lệ tăng trưởng (%)					
Tăng trưởng doanh thu	-11,3%	0,7%	32,3%	28,7%	10,0%
Tăng trưởng LNTT	-88,6%	-20,3%	1152,2%	145,4%	2,4%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	-95,9%	-9,0%	4115,9%	149,3%	3,3%
Tăng trưởng EPS	-95,9%	-9,4%	4192,2%	149,7%	3,2%
Tăng trưởng VCSH	0,0%	-0,1%	0,4%	0,5%	0,0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	7,7%	26,2%	39,7%	35,1%	15,7%
Định giá (lần)					
P/E	365,1	23,6	18,4	12,0	11,6
P/B	2,2	2,1	2,6	2,7	2,3
EPS	115	2.546	4.936	6.357	6.563
BVPS	18.983	27.517	33.047	27.517	33.047
EV/EBITDA	16,2	11,7	8,6	6,0	5,5
EV/Sales	0,8	0,8	0,7	0,5	0,4

Báo cáo KQ HDKD (Tỷ đồng)	2023	2024	2025	2026F	2027F
Doanh thu thuần	118.280	134.341	156.458	172.842	190.115
Giá vốn hàng bán	-95.759	-106.842	-126.164	-136.113	-149.464
Lợi nhuận gộp	22.521	27.499	30.294	36.728	40.651
Doanh thu tài chính	2.167	2.377	3.107	2.784	3.211
Chi phí tài chính	-1.556	-1.188	-1.543	-1.326	-1.385
Chi phí bán hàng	-20.917	-19.850	-18.619	-21.605	-24.827
Chi phí QLDN	-1.168	-3.566	-4.596	-4.321	-5.128
Lợi nhuận từ HDKD	1.047	5.227	8.667	12.216	12.478
Lãi/Lỗ khác	-357	-401	-31	-373	-348
Lợi nhuận trước thuế	690	4.826	8.636	11.843	12.130
Lợi nhuận sau thuế	168	3.733	7.076	9.307	9.619
LNST cổ đông Công ty mẹ	168	3.722	7.037	9.296	9.597
Báo cáo LCTT					
Tỷ đồng	2023	2024	2025	2026F	2027F
LCT thuần từ HDKD	3.436	8.517	6.097	14.150	13.783
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	-10.831	-11.743	-6.662	-10.863	-9.011
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	7.700	2.757	667	-555	-1.692
LCT thuần trong kỳ	304	-468	103	2.732	3.080
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	5.061	5.366	4.897	5.000	12.626
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	5.366	4.897	5.000	12.626	16.015
Chỉ số tài chính					
Khả năng thanh toán					
Khả năng thanh toán hiện hành	1,69	1,56	1,52	1,68	1,69
Khả năng thanh toán nhanh	0,96	1,02	0,97	1,16	1,19
Khả năng thanh toán tiền mặt	0,79	0,81	0,77	0,96	0,99
Khả năng thanh toán lãi vay	0,21	-0,31	-0,34	-1,05	-1,90
Cơ cấu vốn					
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0,39	0,40	0,40	0,43	0,45
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0,61	0,60	0,60	0,57	0,55
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	1,08	0,97	0,90	0,69	0,57
Chỉ số hiệu suất hoạt động					
Số ngày phải thu	0,75	0,66	0,63	0,55	0,57
Số ngày phải trả	31,78	29,44	29,15	35,63	50,46
Số ngày tồn kho	90,57	79,45	68,79	68,05	68,23
Khả năng sinh lời					
Tỷ suất lợi nhuận gộp	19,0%	20,5%	19,4%	21,2%	21,4%
Tỷ suất lợi nhuận HDKD	0,6%	3,1%	4,6%	6,4%	5,8%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	0,1%	2,8%	4,5%	5,4%	5,1%
ROE	0,7%	14,3%	25,0%	26,9%	21,3%
ROA	0,3%	5,9%	9,8%	11,2%	9,4%
ROIC	1,2%	9,6%	14,8%	16,6%	14,6%

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ

Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá **từ 20% trở lên** trong khoảng thời gian 12 tháng

Khả quan: Kỳ vọng tăng giá **từ 10% - 20%** trong khoảng thời gian 12 tháng

Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá **đến 10%** trong khoảng thời gian 12 tháng

Kém khả quan: Kỳ vọng giảm giá **đến 20%** trong khoảng thời gian 12 tháng

Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá **20% trở lên** trong khoảng thời gian 12 tháng

Cần lưu ý: Đây là những mã cổ phiếu có những thông tin bất thường hay có giao dịch bất thường... có ảnh hưởng trọng yếu đến doanh nghiệp. (Mục tiêu cung cấp thông tin cho nhà đầu tư)

Không khuyến nghị: Bộ phận nghiên cứu đang hoặc sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do chủ quan hoặc chỉ để tuân thủ các qui định của luật và/hoặc chính sách công ty trong các trường hợp nhất định tránh các xung đột lợi ích, ví dụ như SHS đang thực hiện tư vấn chiến lược, IPO...

Chưa khuyến nghị: Khuyến nghị đầu tư và giá mục tiêu cho cổ phiếu không được đưa ra do chưa có đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không có hiệu lực đối với cổ phiếu này.

TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo. SHS không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi Bloomberg và FiinGroup.

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Số 43 Lý Thường Kiệt, P. Cửa Nam,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2, số 03 Lê
Đình Lý, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Tel: (84-511)-352 5777

Fax: (84-511)-352 5779

Email: contact-dn@shs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội, Tòa
nhà SHS, Số 41 Ngô Quyền, phường
Cửa Nam, Tp. Hà Nội

Tel: (84-24)-3818 1888

Fax: (84-24)-3818 1688

Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 6, Cao ốc văn phòng HDTC, số
36 Bùi Thị Xuân, Phường Bến Thành,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Tel: (84-8)-3915 1368

Fax: (84-8)-3915 1369

Email: contact-hcm@shs.com.vn



SHS

Kiến tạo tài chính thịnh vượng

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN - HÀ NỘI (SHS)



Website: shs.com.vn



Tel: 1900 63 8588



Email: hotrokhachhang@shs.com.vn



GIAO DỊCH NGAY CÙNG SHS

App trading: SH Smart

Bảng giá: sboard.shs.com.vn

Web trading: shsmart.shs.com.vn